

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP QUAN SÁT TRONG ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TIỂU HỌC

Trần Dương Quốc Hòa*

ABSTRACT

Owing to its ability to support the collection of assessment information in a timely and rapid manner, observation is an effective assessment method that can be used to assess primary school students. It helps the assessment activities to take place regularly and continuously. A clear understanding of this assessment method is necessary to foster classroom practice. This article clarifies the process of the observation method and the tools that are commonly used in this assessment method.

Keywords: *Observation method, classroom assessment, assessment and learning*

Received: 15/02/2022; **Accepted:** 21/02/2022; **Published:** 28/02/2022

1. Đặt vấn đề

Đánh giá học sinh (HS) thường hướng đến hai mục đích chính là để giúp đỡ HS trong quá trình học và để tìm ra những gì HS đã đạt được tại một thời điểm cụ thể. Chúng thường được mô tả như là mục đích hình thành (Formative purposes) và mục đích tổng kết (Summative purposes). Trong đánh giá học sinh tiểu học (HSTH), để thực hiện được các hình thức đánh giá, bao gồm đánh giá hình thành (đánh giá chuẩn đoán, đánh giá quá trình, tự đánh giá) và đánh giá tổng kết, giáo viên (GV) cần lựa chọn và sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp. Nhờ có khả năng hỗ trợ tốt việc thu thập các thông tin đánh giá một cách kịp thời, nhanh chóng, phương pháp quan sát là một trong những phương pháp đánh giá có ưu thế trong hỗ trợ đánh giá hoạt động học tập của HSTH, giúp cho hoạt động đánh giá được diễn ra thường xuyên và liên tục. Tuy nhiên, sự hiện diện của phương pháp này trong thực tiễn giảng dạy hiện nay vẫn còn rất nhiều hạn chế và bất cập. Do đó, một sự hiểu biết rõ ràng về tiến trình thực hiện phương pháp, về các công cụ đánh giá hỗ trợ là thực sự cần thiết, giúp cho việc thực hành phương pháp được thuận lợi và dễ dàng hơn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các hình thức quan sát trong đánh giá HSTH

Phương pháp quan sát là phương pháp kiểm tra đánh giá trong đó GV theo dõi, lắng nghe HS trong suốt quá trình dạy học; sử dụng một số công cụ quan sát (phiếu quan sát, bảng kiểm quan sát, nhật ký,...) để ghi nhận các biểu hiện của HS, sử dụng làm minh chứng đánh giá hoạt động học tập của HS.

Phương pháp quan sát trong kiểm tra đánh giá hoạt động học tập của HSTH có hai hình thức quan sát cơ bản đó là: Quan sát quá trình và quan sát sản phẩm

- *Quan sát quá trình:* Là hình thức GV theo dõi, ghi nhận các hoạt động học tập mà HS thực hiện. Hình thức này đòi hỏi trong quá trình quan sát, GV phải chú ý đến những hành vi, biểu hiện của HS như: sự tương tác giữa các HS trong nhóm (tranh luận, chia sẻ các suy nghĩ, biểu lộ cảm xúc...); sự chú ý, tập trung trong học tập; thái độ học tập;...

- *Quan sát sản phẩm:* Là hình thức GV nhận xét, đánh giá một sản phẩm do HS làm ra. Với hình thức này, HS phải tạo ra sản phẩm cụ thể (bài tập nhóm, các ghi chép cá nhân hoặc nhóm, báo cáo thực hành, dự án học tập, các sản phẩm theo chủ đề/bài dạy,...) và tự trình bày sản phẩm

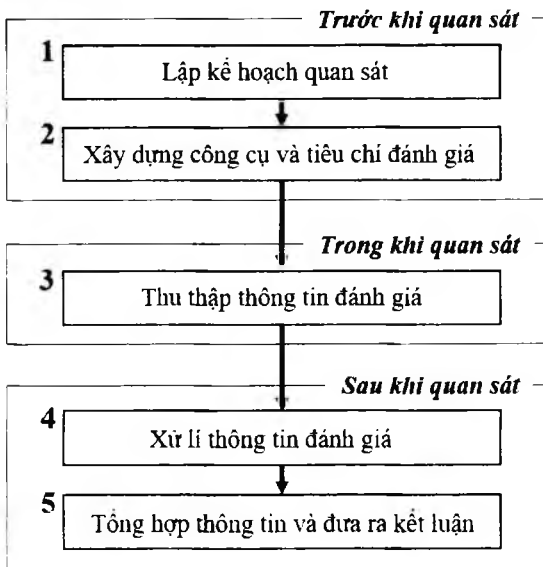
* TS. Trường Đại học Đồng Nai

của mình, còn GV sẽ đánh giá sản phẩm, quá trình làm ra sản phẩm đó cũng như sự tiến bộ của HS.

Lưu ý: Khi quan sát sản phẩm, GV chỉ có thể ghi nhận được một phần kết quả của hoạt động học tập do HS thực hiện mà không thể biết rõ được cách thức HS tạo ra sản phẩm đó. Vì vậy, trong quá trình đánh giá, GV cần kết hợp cả hai hình thức quan sát để có thể đưa ra được kết quả đánh giá chính xác và khách quan.

2.2. Tiến trình thực hiện phương pháp quan sát

Phương pháp quan sát có thể được tiến hành với các bước sau:



Hình 2.1. Tiến trình thực hiện phương pháp quan sát

▪ **Bước 1: Lập kế hoạch quan sát**

Trước khi tiến hành thu thập các thông tin đánh giá bằng quan sát, GV cần lập kế hoạch quan sát. Kế hoạch quan sát cần trả lời được các câu hỏi sau:

- (1) Mục đích của quan sát sẽ thực hiện là gì?
- (2) Đối tượng nào sẽ được quan sát?
- (3) Những nội dung nào của đối tượng sẽ được quan sát?
- (4) Phạm vi quan sát (thời gian, địa điểm) là gì?
- (5) Công cụ đánh giá nào sẽ được sử dụng?

▪ **Bước 2: Xây dựng công cụ và tiêu chí đánh giá**

giá

Căn cứ vào kế hoạch quan sát đã thực hiện, GV tiến hành xây dựng các công cụ đánh giá sẽ sử dụng đồng thời thiết lập các tiêu chí đánh giá phù hợp.

▪ **Bước 3: Thu thập thông tin đánh giá**

GV sử dụng các công cụ đánh giá để quan sát, thu thập thông tin đánh giá về quá trình hoạt động của HS hoặc về sản phẩm do HS tạo ra.

Trong quá trình quan sát, GV cần chú ý đến những thông tin phản hồi ngược từ HS để điều chỉnh hoạt động quan sát của mình.

▪ **Bước 4: Xử lý thông tin đánh giá**

Sau khi thu thập thông tin đánh giá, tùy thuộc vào mục đích quan sát, GV tiến hành thống kê và xử lý các thông tin thu thập được bằng các hình thức phù hợp.

▪ **Bước 5: Tổng hợp thông tin đánh giá và đưa ra kết luận**

GV tiến hành phân tích, đối chiếu các kết quả quan sát đã xử lý với những kết quả trước đây của HS, với yêu cầu của chương trình để đưa ra nhận xét, đánh giá về hoạt động học tập của HS cũng như các định hướng điều chỉnh, cải thiện hoạt động học tập.

2.3. Một số công cụ sử dụng trong phương pháp quan sát

2.3.1. Nhật kí dạy học

Nhật kí dạy học do GV tự mình thiết lập và sử dụng. Nhật kí dạy học là sổ ghi chép và theo dõi hành vi học tập của HS kèm theo những nhận xét và các định hướng cải thiện hoặc phát huy của GV. Đây là nơi các quan sát được thu thập, các trao đổi và tương tác trong lớp học được ghi lại, các hành vi trong lớp học được mô tả, các dữ liệu được so sánh và đối chiếu, các nhận xét được thiết lập và các quyết định được đưa ra.

Nhật kí dạy học là một sản phẩm tự tạo của GV nên hình thức thể hiện của nó là tùy thuộc vào mỗi GV. Tuy nhiên, nhật kí dạy học nên đảm bảo được một cấu trúc với 3 thành phần cốt lõi: (i) hành vi học tập của HS, (ii) nhận xét, (iii) định hướng cải thiện hoặc phát huy. Nhật kí dạy học có thể (và nên) được ghi chép theo từng HS trong lớp học (mỗi HS sẽ có những trang

ghi chép riêng biệt). Dưới đây là một minh họa cho một trang nhật ký dạy học dành cho một HS trong lớp học:

NHẬT KÝ DẠY HỌC

Họ và tên HS:				
STT	Tiết học/Chủ đề	Hành vi của học sinh	Nhận xét	Định hướng cải thiện/phát huy

Bên cạnh khả năng phân tích và so sánh, trí nhớ của GV là một yếu tố tác động lớn đến chất lượng của một cuốn nhật ký dạy học. Do đó GV cần xác định phù hợp (i) thời điểm viết nhật ký và (ii) các lựa chọn quan sát sẽ ghi nhận trong nhật ký. Thời điểm viết nhật ký có thể là sau mỗi ngày học, mỗi tuần học hay sau mỗi chủ đề dạy học,... Các quan sát nên được lựa chọn hướng vào những hành vi không thể (hoặc khó) đánh giá bằng những phương pháp hoặc công cụ khác; đồng thời nên giới hạn việc quan sát trên một số loại hành vi hoặc những hành vi nổi bật.

Ở tiểu học, ngoài mục đích phát huy và cải thiện hoạt động học tập cho HS (mục đích hình thành), GV có thể sử dụng các thông tin từ nhật ký dạy học làm cứ liệu cho những ghi nhận chính thức trong Sổ liên lạc giữa nhà trường và gia đình, Học bạ.

2.3.2. Bảng kiểm (Checklist)

Bảng kiểm là một bảng liệt kê các hành vi của HS hoặc các tính chất của sản phẩm do HS tạo ra. Bảng kiểm được dùng để ghi nhận những hành vi nào đã được HS thực hiện trong các hoạt động học tập hoặc những tính chất nào tồn tại trong sản phẩm mà HS đã thực hiện. Bảng kiểm cung cấp xác nhận về việc một hành vi, một tính chất có được thực hiện (hoặc thể hiện) hay không.

Trong đánh giá hoạt động học tập của HSTH, có thể chia bảng kiểm làm 2 loại: Bảng kiểm hành vi và Bảng kiểm sản phẩm

- *Bảng kiểm hành vi* (hỗ trợ quan sát quá trình) liệt kê các hành vi của HS cần thực hiện theo một tiêu chí đã xác định trước. Bảng kiểm hành vi có thể hỗ trợ đánh giá những biểu hiện về năng lực và phẩm chất của HS, nếu các năng

lực và phẩm chất cần đánh giá được phân chia và mô tả thành những hành vi cụ thể. Do đó, khi thiết kế bảng kiểm hành vi, điều quan trọng nhất là GV phải xác định chính xác các hành vi cụ thể cần quan sát, đánh giá. Hạn chế của bảng kiểm hành vi là không ghi nhận được mức độ thể hiện của HS đối với từng hành vi.

- *Bảng kiểm sản phẩm* (hỗ trợ quan sát sản phẩm) liệt kê các tính chất của một sản phẩm mà HS đã thực hiện. Các tính chất được liệt kê là những tính chất đặc trưng, mang tính đại diện cao của sản phẩm. GV sẽ đánh giá bằng cách kiểm tra xem từng tính chất được đưa ra trong bảng kiểm có tồn tại ở sản phẩm của HS hay không.

Về cấu trúc, bảng kiểm đơn giản (kể cả bảng kiểm hành vi lẫn bảng kiểm sản phẩm) gồm 2 thành phần: (i) Phần liệt kê các hành vi, tính chất cần quan sát, đánh giá; (ii) Phần ghi nhận sự có hoặc không việc thực hiện hoặc tồn tại đối với mỗi hành vi, tính chất cụ thể.

Dưới đây là các minh họa cho bảng kiểm hành vi (1) và bảng kiểm sản phẩm (2):

(1) Bảng kiểm hành vi

BẢNG KIỂM	
..... Năng lực: tự học, tự hoàn thiện	
	(Có: <input checked="" type="checkbox"/> ; Không: <input type="checkbox"/>
- Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học	<input type="checkbox"/>
- Nhận ra và sửa chữa sai sót qua lời nhận xét của thầy cô	<input type="checkbox"/>
- Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để cùng cố và mở rộng hiểu biết	<input type="checkbox"/>
- Có ý thức học tập và làm theo những gương người tốt	<input type="checkbox"/>

(2) Bảng kiểm sản phẩm

BẢNG KIỂM	
..... Sản phẩm "đồ chơi dân gian" (lớp 3)	
	(Có: <input checked="" type="checkbox"/> ; Không: <input type="checkbox"/>
- Phù hợp với trò chơi dân gian	<input type="checkbox"/>
- Sử dụng vật liệu phù hợp	<input type="checkbox"/>
- Chắc chắn và dễ dàng khi sử dụng	<input type="checkbox"/>
- Hình thức đẹp, bắt mắt	<input type="checkbox"/>
- Tân dụng được các vật dụng tái chế	<input type="checkbox"/>
- Có sự sáng tạo, độc đáo riêng	<input type="checkbox"/>
- Tính toán và sử dụng chi phí phù hợp để tạo ra đồ chơi	<input type="checkbox"/>

2.3.3. Thang đo (Thang mức độ)

Thang đo là công cụ bao gồm một hệ thống các hành vi của HS hoặc các tính chất của sản phẩm do HS tạo ra và một thước đo dùng để xác định mức độ đạt được ở mỗi hành vi hoặc tính chất. Thang đo được dùng để ghi nhận mức độ thể hiện của các hành vi đã được HS thực hiện trong các hoạt động học tập hoặc của các tính chất trong sản phẩm mà HS đã thực hiện. Thang đo cung cấp xác nhận về việc một hành vi, một

tính chất đã được thực hiện (hoặc thể hiện) ở mức độ nào.

Khác với bảng kiểm, thang đo cung cấp các kết quả có tính đối sánh cụ thể, tức là GV có thể dùng kết quả quan sát để so sánh các HS về cùng một loại hành vi hoặc so sánh các sản phẩm về

cùng một loại tính chất. Về cấu trúc, một thang đo thường gồm 2 thành phần: (i) Phần liệt kê các hành vi, tính chất cần quan sát, đánh giá; (ii) Thước đo xác định mức độ đạt được ở mỗi hành vi, tính chất cụ thể.

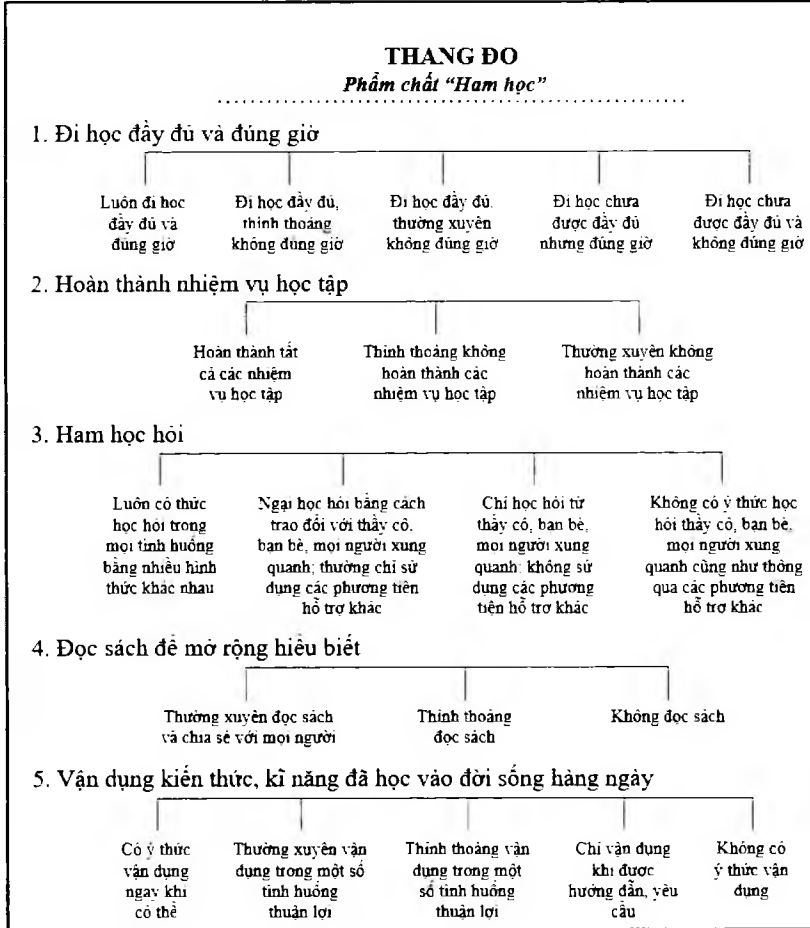
Dưới đây là một số minh họa cho thang đo:

3. Kết luận

Đánh giá bằng phương pháp quan sát giúp cho hoạt động đánh giá được diễn ra thường xuyên và liên tục. Khi thực hành phương pháp trong lớp học, GV cần thận trọng và đảm bảo các yêu cầu của tiến trình thực hiện. Ngoài ra, để có thể thu thập được các thông tin đánh giá một cách chính xác, kịp thời và nhanh chóng, GV cần lựa chọn và sử dụng các công cụ đánh giá một cách khoa học và hợp lý. Sự chuẩn bị cũng như hỗ trợ tốt về phương tiện, điều kiện quan sát cũng là một vấn đề cần được quan tâm, bởi nếu không chuẩn bị tốt thì khối lượng quan sát sẽ bị giới hạn, khiến cho kết quả quan sát không có tính toàn diện.

Tài liệu tham khảo

1. Dixson, D. D., & Worrell, F. C. (2016), Formative and summative assessment in the classroom, *Theory into Practice*, 55(2), 153–159.
 2. Gardner, J. (2012), *Assessment and learning*, Sage.
 3. Harlen, W. (2014), *Assessment, standards and quality of learning in primary education*, Cambridge Primary Review Trust.
 4. Hayes, D., Christie, P., Mills, M., & Lingard, B. (2020), *Teachers and schooling making a difference: Productive pedagogies, assessment and performance*, Routledge.



THANG ĐO
Năng lực giao tiếp và hợp tác

(5: Rất tốt; 4: Tốt; 3: Đạt; 2: Yếu; 1: Kém)

STT	Hành vi	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp					
2	Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoà giải các mâu thuẫn					
3	Xác định mục đích và phương thức hợp tác					
4	Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân					
5	Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác					
6	Tổ chức và thuyết phục người khác					
7	Đánh giá hoạt động hợp tác					
8	Hội nhập quốc tế					